

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HS-ST

Ngày 12-6-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Thúy A, sinh năm: 1994 tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Huỳnh Kim T; có chồng Trần Trí T1 B và 02 con; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Trần Trí Thức B**, sinh năm 1987 tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ Lê Thúy A và 02 con; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Trần Trí T1, sinh năm 1984 tại: tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ Hồ Thị Mỹ H1 và 02 con; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ 04 phút ngày 27/12/2023, tại Quốc lộ B thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, Phòng C1 Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra đối với tài xế Trần Quốc T3 điều khiển xe ô tô tải biển số: 70H – 008.63 lưu thông trên đường chở hàng vượt quá tải trọng cho phép được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nên tạm giữ phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do T3 xuất trình. Quá trình kiểm tra vụ việc hành chính, Phòng C1 Công an tỉnh T nghi vấn giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do T3 xuất trình không do cơ quan có thẩm quyền cấp nên tiến hành trưng cầu giám định đối với tất cả các loại giấy chứng nhận nêu trên. Ngày 15/01/2024, Phòng K Công an tỉnh T kết luận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là giả nên Phòng C1 Công an tỉnh T ra Quyết định chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Qua điều tra, thể hiện: Vào khoảng tháng 4 năm 2022, do muốn bán xe ô tô tải biển số: 70H – 008.63 cho Trần Trí T1 nhưng do giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện

giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô biển số: 70H – 008.63 bị thất lạc nên Lê Thúy A tìm trên mạng xã hội Facebook địa chỉ có làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả. Sau đó, A gửi thông tin của xe ô tô tải biển số: 70H – 008.63 cho trang Facebook vừa tìm được (không nhớ tên, địa chỉ trang) đặt làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả với giá tiền 3.000.000 đồng. Khoảng 07 ngày sau, có một người thanh niên là S (không rõ nhân thân) đến giao cho A 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả, A thanh toán trước số tiền 2.000.000 đồng, khi nào công chứng được hợp đồng bán xe thì thanh toán số tiền còn lại.

Đến cuối tháng 10/2023, A và T1 B sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả của xe ô tô biển số: 70H – 008.63 đi cùng với T1 đến Văn phòng C2 thuộc khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là Văn phòng C3) để A và Thức B công chứng hợp đồng bán xe ô tô trên cho T1. Tuy nhiên, nhân viên công chứng phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô biển số: 70H – 008.63 là giả nên công chứng viên trả lại toàn bộ số giấy tờ trên cho A và T1 B. Đến đầu tháng 11/2023, A và T1 B tiếp tục thỏa thuận bán xe ô tô trên cho T1 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả xe ô tô biển số: 70H – 008.63. A, T5 và T1 thỏa thuận T1 đưa trước cho A và T1 B số tiền 200.000.000 đồng, sau khi A và Thức B đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô trên và công chứng hợp đồng bán xe, T1 sẽ thanh toán số tiền còn lại 350.000.000 đồng. Sau khi mua xe, đến ngày 25/12/2023, mặc dù biết giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô trên là giả nhưng T1 vẫn giao xe ô tô biển số: 70H – 008.63 cùng với 02 loại giấy tờ trên cho anh Trần Quốc

T3 là tài xế lái xe thuê cho T1 điều khiển đi chở bột mì. Đến khoảng 06 giờ 04 phút, ngày 27/12/2023, khi T3 điều khiển xe ô tô tải biển số: 70H-008.63 lưu thông trên Quốc lộ B thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T kiểm tra, phát hiện.

- Tại Kết luận giám định số: 2077/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

+ “Giấy phép lái xe” số: 960150001369; hạng C; họ tên: Trần Quốc T3, ngày sinh: 10/9/1994, Nơi cư trú: X. K, H. T, T6; cấp ngày 05 tháng 05 năm 2023 là “Giấy phép lái xe” thật.

+ “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số: 70014006; tên chủ xe: Lê Thúy A sn: 1994; Địa chỉ: A, L T B, TX H, TN; biển số đăng ký: 70H-008.63; cấp ngày: 08 tháng 04 năm 2022 là “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” giả.

+ “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số: EA 0062314; biển đăng ký: 70H-008.63; cấp ngày 02 tháng 8 năm 2023 là “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” giả.

+ Phù hiệu xe tải; Số: 7421115922 là phù hiệu xe tải thật.

Vật chứng thu giữ: 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số: 70014006; tên chủ xe: Lê Thúy A sn: 1994; địa chỉ: A, L T B, TX H, TN; biển số đăng ký: 70H-008.63; cấp ngày: 08 tháng 04 năm 2022; 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số: EA 0062314; biển đăng ký: 70H-008.63; cấp ngày 02 tháng 8 năm 2023.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKSTrB ngày 26/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B và Trần Trí T1 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo qui định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B và Trần Trí T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét

xử tuyên bố các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B và Trần Trí T1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thúy A từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trí T1 B từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trí T1 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Vào tháng 4 năm 2022, do giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô biển số: 70H – 008.63 của

Lê Thúy A và Trần Trí T1 B bị mất, nhưng Lê Thúy A và Trần Trí T1 B muốn bán xe ô tô tải biển số: 70H – 008.63 cho Trần Trí T1 (là anh ruột của Trần Trí T1 B) nên Lê Thúy A tìm và đặt trên mạng xã hội Facebook giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả. Đến đầu tháng 11/2023, Lê Thúy A và Trần Trí T1 B thỏa thuận bán xe ô tô trên cho Trần Trí T1 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ giả của xe ô tô biển số: 70H – 008.63. Khi mua, mặc dù biết giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô trên là giả nhưng Trần Trí T1 vẫn giao xe ô tô biển số: 70H – 008.63 cùng với 02 loại giấy tờ trên cho anh Trần Quốc T3 là tài xế lái xe thuê cho Trần Trí T1 sử dụng để xuất trình khi bị kiểm tra. Đến khoảng 06 giờ 04 phút, ngày 27/12/2023, khi Trần Quốc T3 điều khiển xe ô tô tải biển số: 70H–008.63 chở hàng hóa lưu thông trên Quốc lộ B thuộc khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T kiểm tra nên anh Trần Quốc T3 xuất trình giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô tải biển số: 70H–008.63.

Tại Kết luận giám định số: 2077/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số: 70014006 và “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số: EA 0062314 là giả.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B, Trần Trí T1 phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm

để rắn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Trí T1 có đóng góp cho xã hội, được tặng “Giấy cảm ơn” và hiện đang bị mang nhiều bệnh nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Lê Thúy A là người trực tiếp đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định giả nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Trần Trí T1 B không trực tiếp mua giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định giả nhưng có biết và thống nhất ý chí thực hiện hành vi cùng với bị cáo Lê Thúy A nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Lê Thúy A. Khi mua xe, bị cáo Trần Trí T1 biết giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định là giả nhưng vẫn giao cho tài xế sử dụng để xuất trình lực lượng chức năng khi bị kiểm tra nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất trong vụ án.

[5] Đối với hành vi của các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định giả khi bán xe cho bị cáo Trần Trí T1 thì bị cáo Trần Trí T1 có biết, đồng ý và ý thức của các bị cáo Lê Thúy A và Trần Trí T1 B không có ý định chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Trí T1 nên không xem xét xử lý về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[6] Đối với người mà bị cáo Lê Thúy A khai đã bán giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định giả cho bị cáo Lê Thúy A, hiện không rõ họ tên, địa chỉ và chưa làm việc được; Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

[7] Đối với chị Hồ Thị Mỹ H1 (vợ của Trần Trí T1) không biết việc bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B và Trần Trí T1 sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định giả để thỏa thuận giao dịch mua bán xe với nhau nên không xem xét xử lý.

[8] Đối với anh Trần Quốc T3 không biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số: 70H – 008.63 là giả nên không xem xét xử lý.

[9] Xét thấy, các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí Thức B và Trần Trí T1 đang làm thuê nhưng không có thu nhập ổn định; bị cáo Trần Trí T1 đang bị nhiều bệnh nên miễn lao động phục vụ cộng đồng và miễn việc khấu trừ thu nhập.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số: 70014006 và 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” số: EA 0062314 là giả nên tịch thu và lưu vào hồ sơ vụ án.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa đối với các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B và Trần Trí T1 là có căn cứ chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B và Trần Trí T1 phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thúy A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Thúy A cho Ủy ban nhân dân phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát giáo dục.

Trường hợp người chấp hành án vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn lao động phục vụ cộng đồng và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thúy A.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trí T1 B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Trí T1 B cho Ủy ban nhân dân phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát giáo dục.

Trường hợp người chấp hành án vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn lao động phục vụ cộng đồng và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Trí T1 B.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trí T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Trí T4 cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát giáo dục.

Trường hợp người chấp hành án vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn lao động phục vụ cộng đồng và miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Trí T1.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và lưu vào hồ sơ vụ án 01 “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô” số: 70014006 và 01 “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ”; số: EA 0062314.

5. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B, Trần Trí T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo Lê Thúy A, Trần Trí T1 B, Trần Trí T1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Long Thành Bắc;
- UBND xã Trường Tây;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trang Thái Châu